

Bài 2. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần :

1. Về kiến thức

– Nêu được các khái niệm : thực hiện pháp luật, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật.

– Hiểu được thế nào là vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí, các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.

(1) Mác – Ăng-ghen : *Tuyển tập*, t.1, NXB Sự thật, H, 1980, tr.262–263.

(2) Ph. Ăng-ghen : *Chống Duy-rinh*, NXB Sự thật, H, 1960, tr.161, 159.

2. Về kĩ năng

Biết cách thực hiện pháp luật phù hợp với lứa tuổi.

3. Về thái độ

- Nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật.
- Ủng hộ những hành vi thực hiện đúng pháp luật và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trọng tâm kiến thức bài học

Bài này có 2 đơn vị kiến thức, được thực hiện trong 3 tiết. GV cần làm rõ những nội dung trọng tâm sau đây :

- Thế nào là thực hiện pháp luật.
- 4 hình thức thực hiện pháp luật : Sử dụng pháp luật ; Thi hành pháp luật ; Tuân thủ pháp luật ; Áp dụng pháp luật. Sự khác nhau giữa hình thức sử dụng pháp luật với 3 hình thức thực hiện pháp luật còn lại.
- Các dấu hiệu vi phạm pháp luật, từ đó rút ra định nghĩa thế nào là vi phạm pháp luật.
- Thế nào là trách nhiệm pháp lí. 4 loại vi phạm pháp luật và 4 loại trách nhiệm pháp lí tương ứng.

b) Một số kiến thức mới và khó

** Khái niệm thực hiện pháp luật, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật*

– *Thực hiện pháp luật* là giai đoạn tiếp theo sau khi văn bản pháp luật được ban hành và có hiệu lực. Nếu như việc xây dựng và ban hành pháp luật là quá trình đưa đời sống vào pháp luật, thì việc thực hiện pháp luật là quá trình ngược lại : Đưa pháp luật trở lại với đời sống.

– Các hình thức thực hiện pháp luật :

Căn cứ vào tính chất của quy phạm pháp luật và hoạt động thực hiện loại quy phạm đó, trong khoa học pháp lí đã xác định có bốn hình thức thực hiện pháp luật. Khái niệm và các hình thức này đã được trình bày rõ trong SGK, vì vậy, GV giúp các em ghi nhớ ý nghĩa của mỗi hình thức, cụ thể là :

+ *Sử dụng pháp luật* là hình thức thực hiện các quy phạm pháp luật về các quyền của công dân, của tổ chức. Các chủ thể pháp luật được chủ động sử dụng các quyền của mình, không phụ thuộc vào ý chí của người khác.

+ *Thi hành pháp luật* là hình thức thực hiện các quy phạm pháp luật về các nghĩa vụ mà cá nhân, tổ chức phải làm bằng hành động cụ thể.

+ *Tuân thủ pháp luật* là hình thức thực hiện các quy phạm pháp luật có tính chất cấm đoán, theo đó, các cá nhân, tổ chức không được tiến hành những hành động bị pháp luật cấm.

+ *Áp dụng pháp luật* là hình thức thực hiện các quy phạm pháp luật về sự tham gia, can thiệp của Nhà nước trong quá trình cá nhân, tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình.

Trong bốn hình thức thực hiện pháp luật trên thì hình thức sử dụng pháp luật khác với các hình thức còn lại ở chỗ : chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật cho phép theo ý chí của mình, chứ không bị ép buộc phải thực hiện.

Qua việc phân tích nội dung và các ví dụ về từng hình thức thực hiện pháp luật, GV cần giúp HS nhận thức rõ vai trò quan trọng của bản thân chủ thể (cá nhân, tổ chức) thực hiện pháp luật. Giữa các hình thức thực hiện pháp luật có mối liên hệ logic phụ thuộc vào sự nhận thức và hành động của các chủ thể. Ví dụ, nếu các cá nhân, tổ chức không tự giác thi hành hay tuân thủ pháp luật (tức là không tự giác thực hiện các nghĩa vụ, không kiểm chế để không làm những việc bị cấm) thì cơ quan nhà nước sẽ phải áp dụng các biện pháp can thiệp như xử lí vi phạm, buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật hoặc phải gánh chịu những hậu quả bất lợi vì những vi phạm đó. Như vậy, từ những hình thức thực hiện pháp luật không cần sự tham gia của Nhà nước có thể sẽ dẫn đến hình thức áp dụng pháp luật – Nhà nước phải can thiệp để đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh. Đó chính là đặc trưng về tính quyền lực, tính bắt buộc chung của pháp luật thể hiện trong quá trình thực hiện pháp luật.

* *Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí*

– *Vi phạm pháp luật có các dấu hiệu cơ bản :*

+ Là hành vi trái pháp luật, hành vi xác định của con người cụ thể (nếu là tổ chức vi phạm pháp luật thì cũng phải thông qua hành vi của người đại diện cho tổ chức đó).

+ Năng lực trách nhiệm pháp lí của chủ thể hành vi trái pháp luật.

+ Lỗi của chủ thể có hành vi trái pháp luật xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Lỗi thể hiện thái độ chủ quan của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật của mình và hậu quả do hành vi đó gây ra. Lỗi có thể là lỗi cố ý (chủ thể nhận thức rõ tính nguy hiểm của hành vi và hậu quả do hành vi đó gây ra nhưng mong muốn hoặc để mặc để cho hậu quả xảy ra), hoặc là lỗi vô ý do quá tự tin (chủ thể nhận thức được về hậu quả nguy hiểm của hành vi, nhưng hi vọng, tin tưởng điều đó không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được), lỗi vô ý do cẩu thả (chủ thể, do cẩu thả nên không nhận thức được về hậu quả nguy hiểm của hành vi mặc dù có thể và cần phải nhận thức được).

Nếu thiếu một trong ba dấu hiệu cơ bản này thì sẽ không phải là vi phạm pháp luật. Ví dụ : Nếu một người mới chỉ có suy nghĩ chống đối hay lẩn tránh pháp luật nhưng chưa thể hiện thành hành vi thì chưa thể bị coi là vi phạm pháp luật. Một người có hành vi trái pháp luật nhưng không có năng lực trách nhiệm pháp lí (ví dụ người bị mất trí) thì hành vi đó cũng không phải là vi phạm pháp luật. Thậm chí nếu một người có đầy đủ năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện hành vi trái pháp luật nhưng không có lỗi thì hành vi đó cũng vẫn không phải là vi phạm pháp luật. Ví dụ : người gây thiệt hại về tài sản, sức khoẻ cho người khác do phải phòng vệ chính đáng hoặc trong tình thế cấp thiết (thiên tai, hoả hoạn).

– Trong lĩnh vực pháp luật, thuật ngữ *Trách nhiệm* được xem xét dưới hai góc độ :

+ Là nghĩa vụ được giao cho cá nhân, tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật. Đây là nghĩa tích cực, ví dụ : "Các cơ quan văn hoá, thông tin đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến rộng rãi ở trong nước và nước

ngoài các giá trị di sản văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá trong nhân dân" (Điều 11 Luật Di sản văn hoá).

+ Là nghĩa vụ của chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Trong bài này, trách nhiệm pháp lí được đề cập tới theo góc độ thứ hai – trách nhiệm pháp lí gắn liền với vi phạm pháp luật và các biện pháp cưỡng chế nhà nước.

Tuỳ theo tính chất của vi phạm pháp luật mà xác định các loại trách nhiệm pháp lí khác nhau :

Trách nhiệm hình sự (đối với người có hành vi phạm tội). Phạm tội là hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng nhất, nên trách nhiệm hình sự cũng là trách nhiệm nghiêm khắc nhất và chỉ do một cơ quan duy nhất xem xét, quyết định áp dụng, đó là Toà án.

Trách nhiệm hành chính do các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền áp dụng với các chủ thể vi phạm hành chính.

Trách nhiệm dân sự áp dụng đối với người vi phạm pháp luật trong lĩnh vực dân sự.

Trách nhiệm kỉ luật là trách nhiệm do cơ quan, tổ chức áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức của mình do vi phạm các quy định về kỉ luật lao động và công vụ nhà nước với các hình thức : khiển trách cảnh cáo, hạ bậc lương, chuyển công tác khác, buộc thôi việc...

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

a) Phương pháp dạy học

Dạy bài này, GV có thể sử dụng nhiều phương pháp để truyền đạt kiến thức : thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, hoặc có thể yêu cầu học sinh tự tìm các ví dụ, tình huống thực hiện pháp luật rồi dẫn dắt từ các ví dụ đó đến kiến thức bài học như cách trình bày của SGK (phương pháp quy nạp). Như vậy HS sẽ ở vị thế tích cực chủ động suy nghĩ phân tích tình huống.

b) Hình thức tổ chức dạy học

Bài có nhiều khái niệm, nhiều nội dung khó nhớ nên GV cần yêu cầu HS đọc trước ở nhà.

Có thể dùng hình thức học theo lớp, theo nhóm, học cá nhân.

3. Về phương tiện dạy học

– SGK, SGV GDCD 12 ;

– Sách bổ trợ SGK : Tình huống Giáo dục công dân 12 ; Bài tập trắc nghiệm Giáo dục công dân 12 ;

– Một số luật hiện hành : Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Lao động (sửa đổi, bổ sung năm 2007), Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2008), Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000,... ;

– Sử dụng các sơ đồ gợi ý trong SGV hoặc GV tự xây dựng sơ đồ, biểu đồ phù hợp ;

– Giấy khổ to, bút dạ ;

– Đầu video, máy chiếu ;

– GV sưu tầm hoặc yêu cầu HS sưu tầm trên các báo những thông tin, hình ảnh liên quan đến việc thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật để làm tư liệu tham khảo chung.

Bảng : Các hình thức thực hiện pháp luật

| STT | Hình thức thực hiện pháp luật | Nội dung | Ví dụ |
|------------|--------------------------------------|-----------------|--------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |

4. Về kiểm tra, đánh giá

a) Gợi ý trả lời câu hỏi và làm bài tập trong SGK

* Các câu trong phần II – Nội dung bài học

Mục 2

– Câu 1 : Theo em, lí do mà bố bạn A đưa ra có xác đáng không ? Cảnh sát giao thông phạt cả hai bố con bạn A có đúng không ? Bạn A có phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình không ?

+ Lí do mà bố bạn A đưa ra là không xác đáng vì : Cả hai bố con bạn A đều là những người tham gia giao thông nên phải biết về biển báo hiệu đường một chiều.

+ Cảnh sát giao thông phạt cả hai bố con bạn A là đúng pháp luật.

+ Bạn A đã 16 tuổi, phải chịu trách nhiệm về mọi vi phạm hành chính.

– Câu 2 : Theo em, trong tình huống trên, hai bố con bạn A có lỗi không ? Vì sao ?

Trả lời : Trong tình huống trên cả bạn A và bố bạn A đều có lỗi, vì : Hai bố con bạn A đều đã là người nhận thức được hành vi của mình là sai, trái pháp luật : lái xe mô tô đi vào đường ngược chiều là vi phạm pháp luật giao thông đường bộ, có thể gây nguy hiểm cho chính mình và cho người khác.

– Câu 3 : Hai bố con bạn A phải chịu trách nhiệm gì ? Họ chưa gây ra tai nạn, chưa phải bồi thường cho ai, vậy cảnh sát giao thông nhân danh ai và căn cứ vào đâu để phạt tiền họ ? Việc phạt ấy có ý nghĩa gì ?

Hai bố con bạn A dù chưa gây tai nạn nhưng đã vi phạm pháp luật giao thông đường bộ và họ phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình. Cảnh sát giao thông – công chức nhà nước có thẩm quyền đại diện cho pháp luật, cho quyền lực nhà nước sẽ căn cứ vào Luật Giao thông đường bộ và Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02-4-2010 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ để phạt tiền họ. Việc xử phạt đó vừa có ý nghĩa buộc bố con bạn A phải chịu trách nhiệm trực tiếp từ hành vi trái pháp luật của mình (biện pháp cưỡng chế của nhà nước), vừa có ý nghĩa giáo dục người khác nâng cao ý thức chấp hành pháp luật (pháp luật giao thông đường bộ), đảm bảo an toàn cho chính mình và cho người khác.

** Các câu trong phần IV – Câu hỏi và bài tập*

Câu 1 :

Sử dụng bảng dưới đây để phân biệt sự giống nhau và khác nhau giữa các hình thức thực hiện pháp luật.

| | Sử dụng PL | Thi hành PL | Tuân thủ PL | Áp dụng PL |
|-----------------------------|---|---|-----------------------------|--|
| Chủ thể | cá nhân, tổ chức | cá nhân, tổ chức | cá nhân, tổ chức | Cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền |
| Mức độ chủ động của chủ thể | Chủ động thực hiện quyền (những việc được làm) | Chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) | Không làm những việc bị cấm | Cơ quan nhà nước chủ động ra quyết định hoặc thực hiện hành vi pháp luật theo đúng chức năng, thẩm quyền được giao |
| Cách thức thực hiện | Nếu pháp luật không quy định thì cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn, thoả thuận (ví dụ : các bên có thể tự thoả thuận cách kí hợp đồng mua bán tài sản, cách thức trao tài sản, thời gian giao trả tiền và tài sản, địa điểm thực hiện) | | | Bắt buộc tuân theo các thủ tục, trình tự chặt chẽ do pháp luật quy định |

Câu 3 :

– *Giống nhau :*

Đều là hành vi trái với các quy tắc, chuẩn mực chung.

– *Khác nhau :*

+ Vi phạm pháp luật là hành vi trái các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành ; Vi phạm đạo đức là làm trái các quan niệm, chuẩn mực đạo đức được thừa nhận chung trong xã hội.

+ Vi phạm pháp luật phải có đủ 3 dấu hiệu do pháp luật quy định ; Vi phạm đạo đức không nhất thiết phải đủ các dấu hiệu.

Dựa vào các gợi ý trên, GV có thể tổ chức làm một bài tập trắc nghiệm mức độ nhận biết để đánh giá HS. Nếu làm bài tập chung tại lớp thì yêu cầu HS điền vào bảng kê trên giấy A₀. Nếu làm bài tập cá nhân thì hướng dẫn HS tự kẻ bảng hoặc phát cho HS bảng kê sẵn để các em điền vào và nộp lại cho GV.

| Hành vi | Vi phạm đạo đức | Vi phạm pháp luật |
|---------|-----------------|-------------------|
| | | |

Câu 5 :

– Hành vi vi phạm của bố bạn A : đi xe máy ngược chiều quy định. Hành vi vi phạm của bạn A : đi xe máy ngược chiều và lái xe khi chưa đủ tuổi quy định (18 tuổi), không có Giấy phép lái xe, do đó cả hai đều phải chịu trách nhiệm pháp lí.

– Trách nhiệm pháp lí

Theo nguyên tắc xử phạt hành chính (tại Điều 4 Nghị định số 34/2010/NĐ-CP) :

+ Bố của bạn A thực hiện một hành vi đi xe máy ngược chiều nên chỉ bị phạt một lần về hành vi của mình.

+ Bạn A thực hiện hai hành vi trái pháp luật nên phải chịu xử phạt cho từng hành vi.

+ Tuy bạn A và bố bạn A cùng đi xe máy vào đường ngược chiều, nhưng mỗi người đều chịu hình thức xử phạt riêng.

– Các hình thức xử phạt đối với bạn A và bố của bạn A :

+ Đối với hành vi đi xe máy ngược chiều : Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với mỗi người điều khiển vi phạm.

+ Đối với hành vi điều khiển xe máy trên 50cm³ của bạn A (từ trên 16 – 18 tuổi) : Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng.

Như vậy theo quy định của pháp luật, hai bố con bạn A phải chịu trách nhiệm hành chính.

Câu 6 :

– Hai bị cáo đều là người chưa thành niên, bị kết án với "Tội cướp giật tài sản" và mức án là : 1 năm tù giam đối với bị cáo vừa qua tuổi 15 khi phạm tội và 1 năm 6 tháng tù giam với bị cáo gần 17 tuổi.

– Theo nguyên tắc xử lí đối với người chưa thành niên phạm tội thì nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng (mức cao nhất của khung hình phạt đến 3 năm tù) hoặc tội nghiêm trọng (mức cao nhất của khung hình phạt đến 7 năm tù) thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự (Điều 68 *Bộ luật Hình sự*).

– Tuy nhiên, theo Điều 136 *Bộ luật Hình sự* về "Tội cướp giật tài sản" thì đây là *tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng* và có mức cao nhất của khung hình phạt là từ 12 năm tù đến 20 năm hoặc chung thân. Do đó, hai bị cáo không được miễn trách nhiệm hình sự.

– Về mức phạt tù giam : khoản 1 Điều 136 quy định mức thấp nhất của khung hình phạt đối với *Tội cướp giật tài sản* là 1 năm đến 5 năm. Do đó, bản án tuyên đối với hai bị cáo là thoả đáng trên cơ sở đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như tuổi của từng bị cáo, phạm tội lần đầu, nhất thời, hạn chế về nhận thức xã hội, pháp luật...

b) Gợi ý về kiểm tra, đánh giá

– GV có thể kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS bằng các câu : 1, 2, 4 trong phần Câu hỏi và bài tập trong SGK.

– Đối với câu hỏi 3, 5, 6 trong phần Câu hỏi và bài tập trong SGK GV có thể sử dụng để kiểm tra bằng hình thức tự luận (kiểm tra viết).

– Bên cạnh đó, GV có thể kiểm tra, đánh giá bằng cách nêu các câu hỏi và yêu cầu sau :

+ Trong 4 hình thức thực hiện pháp luật thì hình thức nào khác với 3 hình thức còn lại ? Khác ở điểm nào ?

+ GV yêu cầu mỗi HS sưu tầm một thông tin liên quan đến nội dung bài học và áp dụng kiến thức để phân tích thông tin mình đưa ra.

Bài tập này giao cho HS về nhà làm và nộp lại cho GV vào buổi học kế tiếp.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Bài có 2 đơn vị kiến thức với thời lượng là 3 tiết. GV có thể căn cứ vào điều kiện thực tế khi lên lớp để phân bố nội dung từng tiết dạy cho hợp lí.

1. Phần mở bài

GV có thể mở bài bằng những cách sau :

– *Cách thứ nhất* : GV dẫn giảng theo phần Mở đầu bài học trong SGK.

– *Cách thứ hai* : Để kích thích hứng thú học tập của HS, GV có thể sử dụng phương pháp phản đề. GV nêu hoặc gợi ý để HS nêu ra một vài ví dụ, hiện tượng vi phạm pháp luật mà các em thường quan sát thấy hoặc biết được qua các phương tiện thông tin đại chúng (như thông tin về vi phạm Luật Giao thông, các tội phạm về ma tuý, tội đua xe trái phép...) và yêu cầu HS phân tích tác hại, hậu quả của các vi phạm đó (xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ của người dân, gây mất trật tự, an toàn xã hội...). Từ đó GV dẫn dắt đến nhận xét : Pháp luật với ý nghĩa là phương tiện quản lí của Nhà nước, phương tiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân chỉ phát huy tác dụng khi được mọi người dân, tổ chức, cơ quan nhà nước thực hiện nghiêm chỉnh ; nếu cá nhân, tổ chức nào vi phạm pháp luật thì phải bị xử lí nghiêm. Nội dung bài học này giúp các em hiểu thế nào là thực hiện pháp luật và xử lí vi phạm pháp luật.

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

a) Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật.

** Mức độ kiến thức*

HS nêu được các nội dung cơ bản :

– Khái niệm thực hiện pháp luật.

– Thực hiện pháp luật là quá trình thường xuyên trong cuộc sống của các cá nhân, tổ chức, cơ quan, bao gồm 4 hình thức cụ thể : sử dụng pháp luật, thi hành pháp luật, tuân thủ pháp luật, áp dụng pháp luật.

– Hai giai đoạn của quá trình thực hiện pháp luật.

** Cách thực hiện*

Đơn vị kiến thức này gồm 3 nội dung.

– Nội dung 1 : Khái niệm thực hiện pháp luật.

GV yêu cầu HS đọc 2 tình huống ở *Ví dụ* trong SGK, sau đó hướng dẫn HS khai thác vấn đề bằng cách đưa ra các câu hỏi sau :

+ Trong tình huống 1 : Chi tiết nào trong tình huống thể hiện hành động thực hiện pháp luật giao thông đường bộ một cách có ý thức (tự giác), có mục đích ? Sự tự giác đã đem lại tác dụng như thế nào ?

+ Trong tình huống 2 : Để xử lí 3 thanh niên vi phạm, cảnh sát giao thông đã làm gì ? (áp dụng pháp luật : xử phạt hành chính).

Mục đích của việc xử phạt đó là gì ? (Răn đe hành vi vi phạm pháp luật và giáo dục hành vi thực hiện đúng pháp luật cho 3 thanh niên).

Từ những câu trả lời của HS, GV tổng kết và đi đến khái niệm trong SGK.

– Nội dung 2 : Các hình thức thực hiện pháp luật.

+ GV lấy các ví dụ tương ứng trong SGK để phân tích cho HS hiểu về 4 hình thức thực hiện pháp luật.

+ GV phân tích tiếp : Trong 4 hình thức thực hiện pháp luật thì áp dụng pháp luật khác với 3 hình thức còn lại ở chỗ : nếu như 3 hình thức kia là những hình thức mà mọi chủ thể pháp luật đều có thể thực hiện thì áp dụng pháp luật là hình thức chỉ có sự tham gia của cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước.

Từ sự phân tích trên, GV có thể dẫn dắt HS đến các ví dụ trong các trường hợp áp dụng pháp luật của các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền. Từ các ví dụ này, kết hợp với các ví dụ ở trên, GV phân tích để HS vừa thấy được toàn diện cả 4 hình thức thực hiện pháp luật, vừa thấy được đặc trưng tính quyền lực, bắt buộc chung của pháp luật được thể hiện trong quá trình thực hiện pháp luật.

GV cũng có thể giảng dạy nội dung 2 như sau :

+ Thứ nhất : GV kẻ bảng : Các hình thức thực hiện pháp luật trong mục *Về phương tiện dạy học*. Chia lớp làm 4 nhóm, đánh số thứ tự và phân công nhiệm vụ từng nhóm tương ứng với thứ tự các hình thức thực hiện pháp luật trong SGK. Yêu cầu mỗi nhóm trong thời gian thảo luận 3 phút phải nêu ra

nội dung và ví dụ minh họa cho hình thức thực hiện mà mình được giao. Sau 3 phút lần lượt các nhóm lên điền vào bảng do GV kẻ sẵn.

+ Thứ hai : Chia nhóm và phân công nhiệm vụ như cách thứ nhất, nhưng yêu cầu HS trình bày vào giấy khổ to sau đó dán lên bảng và cử đại diện trình bày.

Cả hai cách trên, để củng cố bài tốt, GV nên kẻ sẵn một bảng tổng hợp ở nhà theo gợi ý của phần Gợi ý trả lời câu hỏi và làm bài tập để củng cố cho HS về 4 hình thức thực hiện pháp luật.

Sau khi đã tìm hiểu 4 hình thức thực hiện pháp luật, để khắc sâu kiến thức, phát triển tư duy cho HS, GV yêu cầu HS trả lời về thứ 2 ở câu hỏi 1 trong SGK : Phân tích điểm giống và khác nhau giữa 4 hình thức thực hiện pháp luật.

Để làm tốt điều này, GV lưu ý HS :

+ Giống nhau : Đều là những hoạt động có mục đích nhằm đưa pháp luật vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của người thực hiện.

+ Khác nhau : Trong hình thức *sử dụng pháp luật* thì chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật cho phép theo ý chí của mình chứ không bị ép buộc phải thực hiện.

Ví dụ : Luật Giao thông đường bộ quy định, công dân từ 18 tuổi trở lên có quyền điều khiển xe máy có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên. Khi ấy, những người đạt độ tuổi này có thể đi xe gắn máy và có thể đi xe đạp (không bắt buộc phải đi xe gắn máy).

Yêu cầu quan trọng của phần này là HS phải thấy rõ được rằng pháp luật có được thực hiện hay không, pháp luật có đi vào cuộc sống hay không trước tiên và chủ yếu là do mỗi cá nhân, tổ chức có chủ động, tự giác thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật hay không.

– Nội dung 3 : Các giai đoạn thực hiện pháp luật.

GV có thể khai thác bất cứ quan hệ nào ở bất cứ ngành luật nào. GV đặt câu hỏi theo một trình tự logic để HS trả lời, qua đó giúp các em chủ động nắm vững kiến thức.

+ GV đặt câu hỏi : Theo em, quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng xuất hiện khi nào ?

+ Sau khi HS trả lời, GV kết luận : Quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng chỉ xuất hiện sau khi quan hệ hôn nhân được xác lập. Khi ấy xuất hiện quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng (giai đoạn 1 của quá trình thực hiện pháp luật).

+ GV nêu tiếp câu hỏi : Vợ chồng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình như thế nào ?

+ HS trao đổi, sau đó GV kết luận : Sau khi quan hệ hôn nhân được xác lập, vợ chồng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình (giai đoạn 2 của quá trình thực hiện pháp luật) theo quy định tại chương III – Quan hệ giữa vợ và chồng của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

GV có thể sử dụng ví dụ trong SGK. Điều cần lưu ý là trong quá trình phân tích ví dụ, GV phải làm rõ được hai giai đoạn của quá trình thực hiện pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ với nhau : giai đoạn 1 là tiền đề của giai đoạn 2, giai đoạn 2 là hệ quả phát sinh tất yếu từ giai đoạn 1. Quá trình thực hiện pháp luật bắt buộc phải trải qua hai giai đoạn. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp còn xuất hiện giai đoạn 3 – giai đoạn không bắt buộc. Không bắt buộc vì nó chỉ xuất hiện khi cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ can thiệp bằng cách ra quyết định buộc chủ thể vi phạm phải thực hiện đúng pháp luật.

b) Dạy học đơn vị kiến thức 2 : Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

- Các dấu hiệu cơ bản để nhận biết một hành vi vi phạm pháp luật.
- Các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí tương ứng.

** Cách thực hiện*

- Nội dung 1 : Vi phạm pháp luật.

GV sử dụng ví dụ trong SGK và yêu cầu HS chỉ ra biểu hiện cụ thể của từng dấu hiệu của hành vi vi phạm trong ví dụ đó :

+ Thứ nhất : Là hành vi trái pháp luật.

• Hành động cụ thể : bạn A chưa đến tuổi được phép tự điều khiển xe máy mà đã lái xe đi trên đường và hai bố con bạn A đều đi xe ngược chiều quy định.

• Không hành động : Người kinh doanh không nộp thuế cho Nhà nước (trái với pháp luật về thuế).

+ Thứ hai : Do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện.

GV giải thích rõ : Thế nào là năng lực trách nhiệm pháp lí ? Những người nào đủ năng lực trách nhiệm pháp lí và những người nào không đủ năng lực trách nhiệm pháp lí ?

GV làm rõ dấu hiệu thứ hai theo nội dung và phân tích ví dụ trong SGK.

+ Thứ ba : Người vi phạm pháp luật phải có lỗi.

GV nêu câu hỏi : Theo em, bố con bạn A có biết đi xe vào đường ngược chiều là vi phạm pháp luật không ? Hành động của bố con bạn A có thể dẫn đến hậu quả như thế nào ? Hành động đó là cố ý hay vô ý ?

GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, kết luận về khái niệm vi phạm pháp luật.

Để khắc sâu kiến thức cho HS, GV nên hỏi nguyên nhân nào dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật ? Mục đích đưa ra câu hỏi này là GV chỉ cho HS thấy : trong hai nguyên nhân khách quan (thiếu pháp luật, pháp luật không còn phù hợp với thực tế, điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn), và chủ quan (coi thường pháp luật, cố ý vi phạm vì mục đích cá nhân, không hiểu biết pháp luật) thì nguyên nhân chủ quan là nguyên nhân chính, nguyên nhân phổ biến dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy, ý thức con người là yếu tố quan trọng nhất, quyết định việc tuân thủ pháp luật hay vi phạm pháp luật của cá nhân, tổ chức. Từ đó động viên, khuyến khích HS nâng cao hiểu biết về pháp luật.

– Nội dung 2 : Trách nhiệm pháp lí.

Để dẫn dắt đến khái niệm và ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí, GV có thể đặt câu hỏi để HS suy nghĩ : Các vi phạm pháp luật gây hậu quả gì, cho ai ? Cần phải làm gì để khắc phục hậu quả đó và phòng ngừa các vi phạm tương tự ?

Ngoài phân phân tích về lí thuyết, GV có thể dùng ví dụ trong SGK, Bài đọc thêm *Vết trượt từ chiếc mũ* hoặc cùng HS nêu ra vài vụ án đã xét xử, trong đó nhấn mạnh đến các tình tiết : Thủ phạm phạm tội gì ? Động cơ ? Hậu quả gây ra và đã chịu hình phạt như thế nào ? Kết hợp giữa phân tích lí thuyết và minh hoạ bằng các ví dụ thực tế giúp HS tiếp thu kiến thức chủ động hơn.

– Nội dung 3 : Các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí :

+ GV có thể nêu ra yêu cầu chung cho cả 4 loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí tương ứng. Đó là : Vi phạm pháp luật gì ? Chịu trách nhiệm gì, trách nhiệm đó thể hiện như thế nào ?

Ví dụ :

- Vi phạm hình sự phải chịu trách nhiệm hình sự : Điều 98 Bộ luật Hình sự về Tội vô ý làm chết người.

- Vi phạm dân sự phải chịu trách nhiệm dân sự : Điều 611 Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.

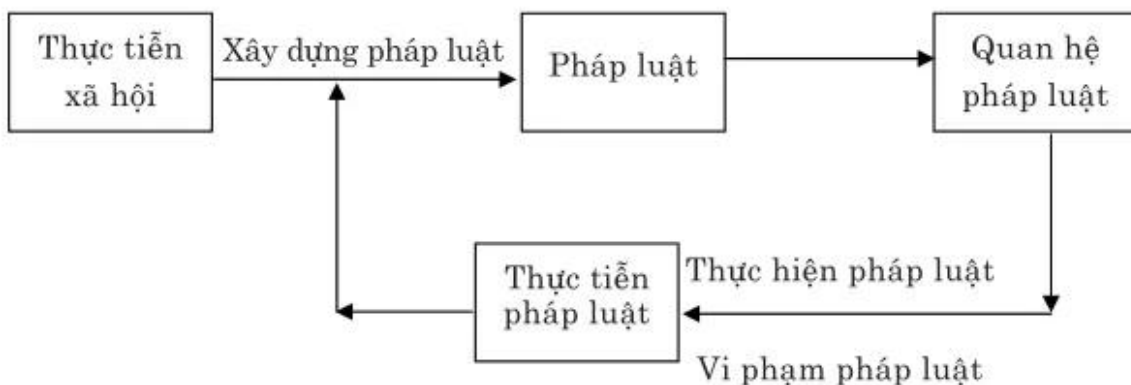
- Vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm hành chính (xem Tư liệu tham khảo trong SGK).

- Người vi phạm kỉ luật lao động : đi muộn, bỏ làm việc, không chấp hành quy định về an toàn lao động,... thì sẽ phải chịu trách nhiệm kỉ luật. Các hình thức kỉ luật thường là : khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, chuyển công tác khác, buộc thôi việc.

GV kết luận : Trong 4 loại trách nhiệm trên thì trách nhiệm hình sự là trách nhiệm pháp lí nghiêm khắc nhất mà Nhà nước buộc người có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng nhất phải gánh chịu.

3. Phần củng cố

Để củng cố kiến thức cho HS một cách toàn diện, GV có thể dùng sơ đồ sau để mô tả mối quan hệ biện chứng giữa thực tiễn xã hội và pháp luật, giữa xây dựng pháp luật, thực hiện pháp luật và hoàn thiện pháp luật.



Từ thực tiễn xã hội (các quan hệ xã hội) Nhà nước xây dựng pháp luật (quy phạm hoá các quy tắc xử sự chung) để hình thành hệ thống pháp luật. Các quy phạm pháp luật tác động trở lại, điều chỉnh các quan hệ xã hội theo các khuôn

mẫu hành vi mà các chủ thể (tổ chức, cá nhân) phải tuân theo. Các chủ thể trong quan hệ pháp luật thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình thông qua các hành vi pháp luật (hành vi hợp pháp hoặc hành vi vi phạm pháp luật). Từ thực tiễn pháp luật, Nhà nước và xã hội phát hiện các bất hợp lí, các thiếu sót, bất cập của pháp luật để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật cho phù hợp với yêu cầu thực tế. Vòng đời mới của pháp luật lại tiếp tục từ khâu xây dựng pháp luật trên cơ sở thực tiễn xã hội, thực tiễn pháp luật.

- Giáo viên hướng dẫn HS làm bài tập số 4 trong SGK.
- Hướng dẫn HS làm bài tập số 5 ở nhà.

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

Câu chuyện pháp luật

Sáng 21-1-2008, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự hành hạ người khác và gây tổn hại sức khỏe cho người khác.

Thủ phạm vụ án là hai vợ chồng làm nghề bán phở : Chu Văn Đức (sinh năm 1963) và Trịnh Thị Hạnh Phương (sinh năm 1962) trú tại số 24/108 Nguyễn Trãi, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát, từ 1993 vợ chồng Đức – Phương nuôi một em nhỏ giúp việc tên là Nguyễn Thị Thông (tức Bình – em Bình sinh năm 1983). Trong quá trình giúp việc tại gia đình này, em Bình không chỉ bị vắt kiệt sức lao động mà còn bị vợ chồng Đức, Phương đánh đập, chửi bới và hành hạ rất dã man. Hành vi xâm phạm đến thân thể em Bình của vợ chồng Đức – Phương được thể hiện ở việc : dùng muối nước phở hắt nước nóng vào người, dùng roi tre, thanh gỗ đánh vào người, vào vùng kín, dùng dao nhọn đâm vào ống đồng chân trái gây thương tích, dùng kim kẹp thịt hai bên mạng sườn,... Do không chịu được việc hành hạ, ngày 20-10-2007 em Bình đã bỏ trốn và tố cáo hành vi của Chu Văn Đức và Trịnh Thị Hạnh Phương với cơ quan Công an. Trong khoảng 10 năm giúp việc cho vợ chồng Đức – Phương, em Bình chỉ được nuôi ăn, không được đi học và trả lương.

Việc em Bình bị đánh đập hành hạ đã để lại trên khắp cơ thể em 424 vết sẹo, gây tổn hại sức khỏe 34%. Hội đồng xét xử đã tuyên phạt vợ chồng Đức – Phương về tội : "Hành hạ người khác" và "gây tổn hại sức khỏe cho người khác" theo khoản 1 Điều 110 và khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Cụ thể : Chu Văn Đức 36 tháng tù cho hưởng án treo, Trịnh Thị Hạnh Phương 45 tháng tù giam, buộc hai bị cáo bồi thường thiệt hại về vật chất cho nạn nhân theo quy định của pháp luật.⁽¹⁾